

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST.

Ngày 28 – 12 - 2017.

V/v “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phụng.

Ông Ngô Som Nang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Kiều Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2017 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm: 1985; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Hợp E, sinh năm: 1985; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Hợp E tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh Hợp E chung sống hạnh phúc đến tháng 05/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên chị và anh Hợp E thường xuyên cãi

vã qua lại và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi ly thân anh Hốp E đã bỏ nhà đi biệt tích, không có tin tức gì, chị N đã tìm kiếm anh Hốp E nhiều lần nhưng không gặp, nên chị N yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Hốp E mất tích. Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định số: 17/2017/QĐDS-ST, ngày 15 – 9 - 2017 tuyên bố anh Hốp E mất tích. Vì anh Hốp E đã mất tích nên chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Hốp E.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh Hốp E có 01 người con chung là cháu Bùi Thị Hoàng Diệu, sinh ngày 20/3/2007. Hiện nay, cháu Diệu đang sống chung với chị N. Nếu ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi cháu Diệu, không yêu cầu anh Hốp E cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị N không có yêu cầu gì.

* Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên bố mất tích đối với bị đơn là anh Bùi Văn Hốp E, nên anh Hốp E không cung cấp bản tự khai và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh Hốp E.

* Phát biểu của kiểm sát viên:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Diệu cho chị N nuôi dưỡng đến khi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn Hốp E là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Hốp E.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Bùi Văn Hốp E tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nên hôn nhân của chị N và anh Hốp E là hôn nhân hợp pháp. Do bất

đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh chị chung sống không được hạnh phúc. Anh chị không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đến tháng 5 - 2014 thì anh Hợp E đã bỏ nhà đi biệt tích cho đến nay. Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định số: 17/2017/QĐDS-ST, ngày 15 - 9 - 2017 tuyên bố anh Hợp E mất tích. Xét thấy, anh Hợp E đã mất tích, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Hợp E là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị N được ly hôn với anh Hợp E.

[3] Về con chung: Chị N và anh Hợp E có 01 người con chung tên là Bùi Thị Hoàng Diệu, sinh ngày 20/3/2007. Tại phiên tòa hôm nay, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Bùi Thị Hoàng Diệu, sinh ngày 20/3/2007 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh Hợp E phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy: Từ khi chị N và anh Hợp E ly thân cho đến nay thì chị N trực tiếp nuôi cháu Diệu, cuộc sống cháu Diệu đã ổn định, hiện nay chị N có nguồn thu nhập ổn định, đảm bảo được lợi ích cho cháu Diệu. Do đó, cần xử giao cháu Diệu cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Diệu thành niên. Tại phiên tòa hôm nay, chị N không yêu cầu anh Hợp E cấp dưỡng nuôi con, nên anh Hợp E không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh Hợp E, không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị N xác định chị và anh Hợp E không có tài sản chung và nợ chung, chị N không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006188 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Bùi Văn Hợp E không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, giao cháu Diệu cho chị N nuôi dưỡng đến khi thành niên. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn Hợp E.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Hoàng Diệu, sinh ngày 20/3/2007 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Diệu thành niên. Anh Hợp E không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh Hợp E, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị N không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006188 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Bùi Văn Hợp E không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn anh Bùi Văn Hợp E không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, H. C, Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên